

Bản án số: **71/2022/HNGĐ - ST**

Ngày: 01-8-2022.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

**- Với thành**

***phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Mai Thị Nhắc

2. Bà Lê Thị Thu Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 142/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị Ngọc C, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp HP2, xã ĐT, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn Toàn, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp HP2, xã ĐT, huyện M, tỉnh Bến Tre.

*(Tất cả các đương sự đều có mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/4/2022 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn chị Dương Thị Ngọc C trình bày:*

*Về hôn nhân:* Trên mai mối nhưng cả hai có thời gian tìm hiểu nhau, chị và anh Trần Văn T tự nguyện tiến đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào tháng 7/2019 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 31/01/2020. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2022 thì bắt

đầu mất hạnh phúc. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh chị có nhiều mâu thuẫn về kinh tế, không có tiếng nói chung, anh T không phụ chị chăm lo, đỡ đần lúc chị mới sinh con và thường xuyên đi chơi, bỏ mặc vợ con. Anh chị chính thức sống ly thân từ tháng 01/2022 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, gia đình hai bên có tạo điều kiện để anh chị hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T vì không còn tình cảm.

*Về nuôi con chung:* Trong thời gian chung sống, anh chị có 01 con chung tên Trần Hiếu B, sinh ngày 25/01/2021. Từ lúc ly thân đến đầu tháng 7/2022, do chị đang đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh nên chị phải gửi cháu B cho dì ruột của chị trực tiếp nuôi, cuối tuần chị về với con. Từ đầu tháng 7/2022 đến nay, chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu B. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu B, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị hiện đang làm nhân viên văn phòng, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng đủ điều kiện để nuôi con. Chị cam kết sẽ tạo điều kiện để anh T được thăm con nếu Tòa giao con cho chị trực tiếp nuôi.

*Về chia tài sản:* Trong thời gian chung sống, anh chị không có tài sản chung và không có nợ ai.

*Tại bản tự khai đề ngày 13/6/2022 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Trần Văn T trình bày như sau:*

*Về hôn nhân:* Anh thống nhất phần trình bày của chị C về điều kiện, thời gian kết hôn, quá trình chung sống. Về nguyên nhân mất hạnh phúc theo anh ban đầu là không có. Tuy nhiên, vào ngày 27/12/2021 (Âm lịch) chị C tự ẵm con về ngoại, không nói với ai, sau đó vài ngày chị C một mình về nhà lấy đồ đạc đi và không ẵm con về. Gia đình anh cũng có đến nhà chị C để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Nay chị C yêu cầu ly hôn, anh đồng ý vì không còn tình cảm.

*Về nuôi con chung:* Trong thời gian chung sống, anh chị có 01 con chung tên Trần Hiếu B, sinh ngày 25/01/2021. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa giao con cho chị C nuôi, anh không đồng ý cấp dưỡng. Cháu B hiện đang sống với dì ruột của chị C, chị C không trực tiếp nuôi con và trong thời gian từ lúc chị C ẵm con đi đến nay, con phát triển không tốt, ốm hơn. Anh hiện làm thuê tại địa phương, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 10.000.000 (Mười triệu) đồng. Trong trường hợp chị C để cháu B được sống ở DT, anh đồng ý để chị C trực tiếp nuôi cháu B.

*Về chia tài sản:* Trong thời gian chung sống, anh chị không có tài sản chung và không có nợ ai.

*Tại Biên bản xác minh đối với Trưởng ấp HP2, xã DT đề ngày 29/6/2022 về nguyên nhân mâu thuẫn của chị Dương Thị Ngọc C và anh Trần Văn T có nội dung như sau:*

Anh Trần Văn T và chị Dương Thị Ngọc C có tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương. Sau đó, anh T và chị C đi làm thuê. Anh T và chị C có 01 người con, được biết thông tin từ người dân xung quanh thì người con chung này được chị C nhờ người dì chăm sóc, riêng hiện nay thì không rõ ai đang trực tiếp chăm sóc. Tuy nhiên, người con này không có sống chung với anh T. Anh T hiện đang làm thuê cho các cơ sở kinh doanh dừa trái trên địa phương. Thường mức bình quân cho một lao động làm nghề dừa khoảng 200.000 đồng/ngày. Trong quá trình sinh sống tại địa phương, chị C và anh T không có nhờ chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề phát sinh trong đời sống hôn nhân nên địa phương không rõ nguyên nhân dẫn đến việc chị C và anh T ly hôn.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Dương Thị Ngọc C và anh Trần Văn T; Về nuôi con chung: Chị Dương Thị Ngọc C tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Trần Hiếu B, sinh ngày 25/01/2021, anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Dương Thị Ngọc C không có yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam nhận định:

[1] *Về hôn nhân:* Hôn nhân của chị Dương Thị Ngọc C và anh Trần Văn T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2022 thì bắt đầu mất hạnh phúc. Theo chị C trình bày nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh chị có nhiều mâu thuẫn về kinh tế, không có tiếng nói chung, anh T không phụ chị chăm lo, đỡ đần lúc chị mới sinh con và thường xuyên đi chơi, bỏ mặc vợ con. Theo anh T, ban đầu anh chị không có mất hạnh phúc. Tuy nhiên, vào ngày 27/12/2021 (Âm lịch) chị C tự ẵm con về ngoại, không nói với ai, sau đó vài ngày chị C một mình về nhà lấy đồ đạc đi và không ẵm con về. Anh chị chính thức sống ly thân từ tháng 01/2022 cho đến nay. Trong thời gian sống ly

thân, gia đình hai bên có tạo điều kiện để anh chị hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Tại phiên tòa, chị C và anh T đều thuận tình ly hôn vì không còn tình cảm. Điều đó chứng tỏ rằng cuộc sống hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị C và anh T là phù hợp.

[3] *Về nuôi con chung*: Trong thời gian chung sống, anh chị có 01 con chung tên Trần Hiếu B, sinh ngày 25/01/2021, hiện đang sống với chị C. Chị C và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu B. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01/8/2022), cháu B mới 19 tháng tuổi. Tại Khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”. Thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa đã ra Thông báo giao nộp chứng cứ cho chị C và anh T để cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh mỗi người có đủ điều kiện trực tiếp nuôi cháu B nhưng chỉ có chị C cung cấp được chứng cứ chứng minh. Mặt khác, trong thời gian sống ly thân do điều kiện công việc nên có thời gian chị C gửi cháu B cho dì ruột ở cùng áp trực tiếp nuôi và từ đầu tháng 7/2022 đến nay chị C trực tiếp nuôi cháu B, anh T chưa có thời gian nào trực tiếp nuôi cháu B, kể cả có lúc chị C phải gửi cháu B cho dì ruột của chị nuôi để chị đi làm tạo thu nhập nuôi con. Anh T cho rằng trong thời gian chị C trực tiếp nuôi con không đảm bảo sự phát triển cho con nhưng anh không có chứng cứ chứng minh. Việc anh T chỉ đồng ý cho chị C trực tiếp nuôi con trong trường hợp cháu B phải sinh sống trên địa bàn xã ĐT vì anh cho rằng cháu B sống với chị C ở Thành phố Hồ Chí Minh gây khó khăn cho việc anh thăm nom con là không phù hợp vì việc chị C đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh nhằm mục đích tạo thu nhập nuôi con, chị đã làm công việc này trước khi chị và anh T sống ly thân và chị C cũng cam kết sẽ tạo điều kiện cho anh T được thăm con nếu chị được nuôi con. Vì vậy, áp dụng Khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu B cho chị C tiếp tục trực tiếp nuôi là phù hợp và cũng nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất, tinh thần và tâm sinh lý của cháu B. Đối với yêu cầu cấp dưỡng, việc chị C không yêu cầu anh Toàn cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện nên ghi nhận.

[4] *Về chia tài sản*: Trong thời gian chung sống, anh chị không có tài sản chung và không có nợ ai nên không đề cập.

[5] *Về án phí*: Chị Dương Thị Ngọc C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam là phù hợp hoàn toàn với nhận định của Tòa nên ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*1. Về hôn nhân:* Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị Dương Thị Ngọc C và anh Trần Văn T.

Chị Dương Thị Ngọc C và anh Trần Văn T được ly hôn với nhau.

*2. Về nuôi con chung:* Chị Dương Thị Ngọc C tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Trần Hiếu B, sinh ngày 25/01/2021; Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Dương Thị Ngọc C không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

*3. Về chia tài sản:* Trong thời gian chung sống, anh chị không có tài sản chung và không có nợ ai nên không đề cập.

*4. Về án phí:* Chị Dương Thị Ngọc C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí

300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị C đã nộp theo biên lai thu số \*\*\*\*\* ngày \*\*/\*/\*\*\*\* của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M nên không phải nộp thêm.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (1b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Hoàng Kim Sang**